

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2021/HNGĐ-ST
Ngày 09-4-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Hân

Ông Trần Đình Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 831/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị T, sinh năm 1994; địa chỉ: Bản M, xã S, huyện C, tỉnh Yên Bái; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đinh Như Q, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/9/2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Hà Thị T trình bày:

1. Về hôn nhân:

Chị T và anh Đinh Như Q kết hôn với nhau vào năm 2011 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn số 19 ngày 04/3/2011 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, chị về gia đình anh Q sinh sống tại thôn Láng Cáp, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách hai bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống và lối sống, giữa vợ chồng thường xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Cho nên từ năm 2017 chị mang cả 02 con chung về nhà bố mẹ để sống ly thân với anh Q cho đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên sâu sắc, trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Q.

2. Về con chung:

Chị T trình bày chị và anh Q có hai con chung tên là Đinh Thị Anh Thư sinh ngày 28/3/2012 và Đinh Thị Yến Nhi sinh ngày 30/4/2014. Khi ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục trực tiếp nhận nuôi cả 02 con chung, về cấp dưỡng nuôi con chung để chị và anh Q tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Chị T trình bày chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đinh Như Q là bị đơn trong vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án có quan điểm sau:

Anh chị lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, được tổ chức cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do có bất đồng trong lối sống, quan điểm sống, tính tình hai bên không hòa hợp, anh thường xuyên đi làm ăn xa dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không quan tâm đến nhau. Gia đình cũng đã tiến hành hòa giải, khuyên nhủ vợ chồng nhưng không thành. Do mâu thuẫn vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, chị T bỏ nhà đi, anh

có tìm về đoàn tụ nhưng chị không về. Nay chị T có đơn xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Về con chung: Anh trình bày giống như quan điểm của chị T, vợ chồng có 02 con chung tên là Đinh Thị Anh Thư sinh ngày 28/3/2012 và Đinh Thị Yến Nhi sinh ngày 30/4/2014 và hiện đang sinh sống ổn định cùng với chị T. Trường hợp ly hôn, anh đồng ý để chị T tiếp tục trực tiếp nuôi cả hai con chung, về cấp dưỡng nuôi con chung để hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Q trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 30/11/2020 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng thể hiện: Chị Hà Thị T và anh Đinh Như Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 04/3/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chuyển về sinh sống tại thôn Láng Cáp, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn từ năm 2017, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống trong làm ăn, cách sống, vợ chồng thường xuyên có xảy ra cãi nhau, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhưng không thành. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã trầm trọng và đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết vụ án. Về con chung: Chị T và anh Q có 02 con chung tên là Đinh Thị Anh Thư sinh ngày 28/3/2012 và Đinh Thị Yến Nhi sinh ngày 30/4/2014, anh Q và chị T đều có khả năng nuôi con đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật giải quyết. Về tài sản chung của vợ chồng: Không nắm được và đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng, đương sự chấp hành pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư 01 ngày 04/01/2016; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 xử: Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hà Thị T và anh Đinh Như Q; về con chung: Giao cho chị Hà Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con chung tên là Đinh Thị Anh Thư sinh ngày 28/3/2012 và Đinh Thị Yến Nhi sinh ngày 30/4/2014 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không

ai được cản trở; về cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là chị Hà Thị T vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị T và anh Đinh Như Q đã được xác lập từ ngày 04/3/2011 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 04/3/2011 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Theo Biên bản xác minh tại UBND xã L vào ngày 30/11/2020 và ngày 30/12/2020 và Văn bản xác nhận ngày 11/11/2020 của Công an xã Lương Sơn, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái thể hiện anh Đinh Như Q và chị Hà Thị T có đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và theo giấy tờ của chị T, anh Q xuất trình tại thời điểm đi đăng ký kết hôn vào ngày 04/3/2011 tại UBND xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng, chị Hà Thị T sinh ngày 28/6/1994 theo Giấy khai sinh số 39 và chị Hà Thị T sinh ngày 28/6/1993 theo Giấy đăng ký kết hôn số 19 ngày 04/3/2011 là 01 người. Như vậy căn cứ vào lời khai của các đương sự, tài liệu, chứng cứ thu thập và Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để Tòa án giải quyết các nội dung quan hệ hôn nhân, giải quyết vụ án. Căn cứ vào lời khai của đương sự và tài liệu điều tra xác minh tại địa phương thể hiện trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, từ năm 2017 mâu thuẫn trở nên sâu sắc, trầm trọng không thể hàn gắn tình cảm được, do mâu thuẫn vợ chồng nên chị T và anh Q sống ly từ đó cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị T yêu cầu ly hôn, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị T và anh Q.

[3]. Về con chung: Chị T và anh Q có 02 con chung tên là Đinh Thị Anh Thư sinh ngày 28/3/2012 và Đinh Thị Yến Nhi sinh ngày 30/4/2014. Khi ly hôn, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi cả 02 con chung, anh Q đồng ý việc giao 02 con chung cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi. Việc giao con chung cho ai nuôi cần phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung. Xét thấy, chị T trực tiếp nuôi các con chung từ khi vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, việc nuôi con vẫn ổn định, các con chung phát triển bình thường và được đảm bảo tốt về mọi mặt, chị T và anh Q đều có đủ điều kiện, khả năng và thời gian chăm sóc nuôi dạy các con chung. Con chung Đinh Thị Anh Thư có nguyện vọng được ở với chị T khi ly hôn. Do vậy, cần giao các con chung cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Chị T, anh Q trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh Q có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hà Thị T và anh Đinh Như Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Hà Thị T trực tiếp nuôi 02 con chung tên là Đinh Thị Anh Thư sinh ngày 28/3/2012 và Đinh Thị Yến Nhi sinh ngày 30/4/2014 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hà Thị T và anh Đinh Như Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Hà Thị T và anh Đinh Như Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015510 ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng. Chị Hà Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã L, T,
(Giấy CNKH số 19 ngày 04/3/2011);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vân